

Bản án số: 81/2021/HS-ST

Ngày: 29/9/2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Hữu Hùng

+ Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sáng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2021/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Cao Th (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1956 tại huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn H X, xã L Th, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/10; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn Ph (đã chết) và bà Đình Thị S; Vợ: Kiều Thị M, Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1979, con nhỏ sinh năm 1982; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Vương Văn D (Tên gọi khác: Không), sinh năm 1960 tại huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn L Kh, xã L Th, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự D; Trình độ học vấn: 7/10; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vương Văn T và bà Vương Thị B; Vợ: Chu Thị B, Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại

- Ông Nguyễn Duy Tr, sinh năm 1958 (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ K, xã C Đ, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội.

Người bào chữa:

- Ông Bạch Ngọc K, trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Hà Nội, là người bào chữa cho bị cáo Vương Văn D (có mặt).

- Bà Dương Thị H - Luật sư Công ty luật TNHH Tài Trung – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội, là người bào chữa cho bị cáo Đỗ Cao Th (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đỗ Cao Th và bị cáo Vương Văn D là lao động tự do tại địa phương, không có vai trò, chức năng, nhiệm vụ trong công tác tuyển sinh vào học tại các trường Công an.

Ông Nguyễn Duy Tr có con trai là anh Nguyễn Sỹ Trung thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Đại đội 2 – Tiểu đoàn 3 – Trung đoàn Cảnh sát cơ động Công an Thành phố Hà Nội từ tháng 9/2013 đến tháng 9/2016. Năm 2015, anh Trung làm hồ sơ thi tuyển vào Trường Học viện Cảnh sát nhân dân ở phường Cổ Nhuế 2 – quận Bắc Từ Liêm – TP. Hà Nội.

Thông qua ông Cát Văn K, sinh năm 1960 và ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1964, cùng trú tại xã K S – thị xã Sơn Tây – TP Hà Nội, ông Nguyễn Duy Tr quen biết với bị cáo Đỗ Cao Th được bị cáo Th giới thiệu có khả năng chạy đi học tại các trường Công an. Ông Tr đã đặt vấn đề nhờ Th lo cho anh Nguyễn Sỹ Trung thi đỗ vào trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1 ở phường Nhân Chính – quận Thanh Xuân – TP. Hà Nội. Bị cáo Th đã nhận lời và nói với ông Tr số tiền để chạy việc cho anh Trung là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), ông Tr đồng ý. Ngày 08/6/2015, ông Tr cùng vợ là bà Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị Đông, sinh năm 1965, trú tại Thôn Đ K – xã C Đ – thị xã Sơn Tây – TP. Hà Nội đến nhà bị cáo Th đưa cho Th số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Bị cáo Th nhận tiền và hứa hẹn chắc chắn sẽ lo được cho con trai ông Tr vào học tại trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1 (tức là thi vào Trường Học viện Cảnh sát nhân dân lấy điểm thi để sau đó xét tuyển vào Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1). Sau khi nhận số tiền trên bị cáo Th đã gọi điện cho ông Nguyễn Lương T, sinh năm 1964, trú tại phòng 311-B2 – Tập thể Khương Thượng – phường Trung Tự - quận Đống Đa – TP Hà Nội để lo việc cho anh Trung nhưng ông Tài từ

chối. Bị cáo Th đã nói chuyện với bị cáo Vương Văn D về việc nhận số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) của ông Nguyễn Duy Tr để chạy vào Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1 nhưng chưa nhờ được người giúp và bị cáo D đã nhận lời chạy cho anh Trung vào học trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1. Bị cáo Vương Văn D không nói với bị cáo Th về việc gặp ai và hết bao nhiêu tiền để lo việc cho anh Trung. Bị cáo D đã bảo Th đưa trước số tiền 5.000.000 (năm triệu đồng) để đi “quan hệ” nhưng sau khi nhận được số tiền trên thì D đã tiêu xài hết. Để giúp cho anh Nguyễn Sỹ Trung đi thi, bị cáo Th và bị cáo D đã đến gặp ông Đoàn Việt V, sinh năm 1973, trú tại thôn L Th – xã L Th – huyện Thạch Thất – TP. Hà Nội để nhờ ông Văn mua giúp bộ tài liệu thi các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, ông Văn đồng ý. Bị cáo Th đã đưa cho ông V số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Ông V đã đến Trường Học viện Cảnh sát nhân dân mua được bộ tài liệu thi rồi đưa cho bị cáo D. Bị cáo D đưa cho bị cáo Th, Th đưa lại cho ông Tr và bảo anh Trung mang bộ tài liệu đó vào phòng thi làm bài. Kết quả thi vào Trường Học viện Cảnh sát nhân dân anh Trung được 15,25 điểm và không đỗ. Bị cáo Th và D bàn bạc chạy điểm cho anh Nguyễn Sỹ Trung và thống nhất với ông Tr phương án nếu không được đi học tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1 thì hết nghĩa vụ quân sự sẽ chạy sang chế độ phục vụ lâu dài trong ngành Công an cho anh Nguyễn Sỹ Tr, ông Tr đồng ý. Khi bị cáo Th hỏi bị cáo D số tiền để chạy điểm là bao nhiêu, bị cáo D không nói cụ thể là hết bao nhiêu tiền và liên hệ, gặp gỡ ai để chạy điểm cho anh Nguyễn Sỹ Tr. Để chạy điểm thi cho anh Tr được đi học, bị cáo D đưa ra nhiều lý do khác nhau để bị cáo Th đưa tiền. Sau khi không chạy được cho anh Nguyễn Sỹ Tr đi học Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân 1, bị cáo D tiếp tục lấy tiền từ bị cáo Th để chạy cho anh Nguyễn Sỹ Tr được phục vụ lâu dài trong ngành Công an. Bị cáo Th đã đưa tiền cho bị cáo D nhiều lần với tổng số tiền là 78.000.000đ (bảy mươi tám triệu đồng). Đến tháng 9/2016, anh Nguyễn Sỹ Tr hết nghĩa vụ quân sự không được phục vụ lâu dài trong ngành Công an, ông Nguyễn Duy Tr đã đòi lại tiền. Bị cáo Th và bị cáo D không trả mà nói dối với ông Tr là đã đưa 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) cho ông Nguyễn Văn Phóng nay chưa đòi lại được để trả lại tiền cho ông Nguyễn Duy Tr. Đến khi Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Thạch Thất khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo thì Th và D mới khai nhận hành vi của mình.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thất đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của Đỗ Cao Th trong: Giấy biên nhận vay tiền ngày 08/06/2015 và Giấy cam kết trả nợ ngày 29/01/2017. Bản kết luận giám định số 11290/KLGD-PC09-Đ4 ngày 31/12/2020 của Viện khoa học hình sự đã kết luận: Chữ ký và chữ viết trong Giấy biên nhận vay tiền ngày 08/06/2015 và

Giấy cam kết trả nợ ngày 29/01/2017 so sánh với bản khai của Đỗ Cao Th là do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thất đã trưng cầu giám định chữ viết của Đỗ Cao Th và chữ ký của Vương Văn D. Bản kết luận giám định số 4688/C09-P5 ngày 06/08/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

Chữ ký đứng tên Vương Văn D, chữ ký dưới mục “Ký nhận” và các chữ “Vương Văn D” dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu mẫu A so với chữ ký, chữ viết của Vương Văn D trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng 1 người ký và viết ra.

Chữ viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Đỗ Cao Th trên mẫu so sánh ký hiệu M3 do cùng một người viết ra.

*** Về dân sự:**

Bị cáo Vương Văn D đã trả cho bị cáo Đỗ Cao Th số tiền 98.000.000đ, ngày 17/7/2021 bị cáo Đỗ Cao Th đã trả nốt cho ông Nguyễn Duy Tr số tiền 158.000.000đ (trước đó đã trả 42.000.000đ). Ông Nguyễn Duy Tr không có yêu cầu đề nghị gì về mặt dân sự.

Về xử lý vật chứng: Các tài liệu bị tạm giữ đã đưa vào hồ sơ vụ án.

- Đối với ông Đoàn Việt Văn đã có hành vi mua tài liệu ôn thi giúp bị cáo Đỗ Cao Th và bị cáo Vương Văn D nhưng ông Văn không biết việc bị cáo Th và bị cáo D có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với ông Nguyễn Duy Tr. Vì vậy không có căn cứ để xem xét, xử lý và truy Th số tiền mua tài liệu của ông Văn.

- Đối với ông Cát Văn Kiêm và ông Nguyễn Văn Thủy không có hành vi giúp sức hay hành vi khác liên quan đến hành vi “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bị cáo Đỗ Cao Th và bị cáo Vương Văn D cũng như không được hưởng lợi ích gì từ bị cáo Th và bị cáo D. Vì vậy không có căn cứ để xem xét, xử lý đối với ông Kiêm và ông Thủy.

- Bị cáo Đỗ Cao Th và bị cáo Vương Văn D ban đầu đều khai nhận đưa toàn bộ số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) cho ông Nguyễn Văn Ph để chạy việc cho anh Nguyễn Sỹ Tr là lý do để hai bị cáo không trả lại tiền cho ông Nguyễn Duy Tr. Quá trình điều tra vụ án, các bị cáo đã thừa nhận không đưa tiền cho bất kỳ người nào khác. Ngoài số tiền bị cáo Th đưa cho bị cáo D thì số tiền còn lại bị cáo Th đã tiêu xài cá nhân hết số tiền của ông Nguyễn Duy Tr. Bị cáo D cầm của bị cáo Th số tiền 78.000.000đ cũng đã tiêu xài cá nhân hết. Vì vậy không có căn cứ để điều tra xác minh, xử lý đối với ông Nguyễn Văn Ph.

Tại phiên tòa, các bị cáo Th, D khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bản cáo trạng số 87/CT-VKSTT ngày 13/9/2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Đỗ Cao Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 và truy tố bị cáo Vương Văn D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Đỗ Cao Th từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38, điểm b, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Vương Văn D từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm.

Bị cáo Th và bị cáo D có hoàn cảnh gia đình khó khăn, công ăn việc làm không ổn định nên đề nghị HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Tại phiên Tòa, người bào chữa cho bị cáo Vương Văn D đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt và cho bị cáo D được hưởng án treo với mức thấp hơn mức Viện kiểm sát đề nghị.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Đỗ Cao Th cho rằng:

Chạy điếm, chạy việc là một loại giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật theo quy định tại Điều 123 BLDS. Hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Như vậy, số tiền mà bị cáo Th nhận từ ông Tr được hoàn trả lại cho ông Tr. Và thực tế, ông Th cũng không có tư tưởng chiếm đoạt số tiền đó của ông Tr. Điều này thể hiện ở việc ông Th thỏa Thuận từ ban đầu là nếu không được việc thì sẽ trả lại toàn bộ. Ông Th cũng không có tư duy chiếm đoạt vì ông sẵn sàng viết giấy biên nhận vay tiền cho ông Tr. Nghĩa là ông Th có xác nhận trách nhiệm của bản thân thông qua việc xác lập giấy biên nhận 200.000.000đ này.

Ông Th thực tế cũng đã chi tiền để thực hiện công việc đã trao đổi với ông Tr. Tuy nhiên do ông D hứa hẹn và không làm đúng nên ông Th sai lời với ông Tr.

Trước khi bị hại có đơn trình báo, ông Th và ông D đã trả ông Tr số tiền 42.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền còn nợ lại là 158.000.000đ. Thực tế, trong 158.000.000đ này, ông D cầm 78.000.000đ, 15.000.000đ mua đề thi. Như vậy, ông Th chỉ cầm số tiền là 65.000.000đ.

Với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mục đích chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Vì vậy, đề nghị HĐXX trả hồ sơ để điều tra bổ sung để làm rõ các nội dung sau:

- Định giá giá trị bộ tài liệu thi để có cơ sở định khung hình phạt cho bị cáo Th; Xác định khách thể xâm phạm của tội phạm là quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tr hay là quan hệ quản lý của Nhà nước? Vì hành vi chạy điểm, chạy trường do ông Tr đầu trò là sai pháp luật, tiền vi phạm 200.000.000đ phải sung công quỹ nhà nước. Làm rõ việc ông Tr giao tiền cho ông Th là hành vi uỷ quyền hay giao việc hay hình thức gì để chạy việc, chạy điểm?; Việc chỉ xử lý các bị cáo để bảo vệ cho hành vi trái pháp luật của ông Tr có phù hợp với nguyên tắc và nhiệm vụ của Bộ luật Hình sự hay không?

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu đã Th thập trong hồ sơ, tang vật của vụ án và lời khai người bị hại, người làm chứng.

Căn cứ vào biên bản đối chất ngày 20/5/2021 (BL 95), bị cáo Th thừa nhận, “sau khi nhận lời, nhận tiền chạy giúp con trai ông Tr thi đỗ học viện cảnh sát, tôi tình cờ gặp ông D, tôi có nói chuyện với ông D về việc tôi đang chạy cho cháu ở Cảnh sát cơ động thi vào học viện cảnh sát nhưng người quen của tôi từ chối, tôi có hỏi ông D có quen ai giúp được cháu tôi không?” Điều này thể hiện, giữa Th và D không có sự thỏa thuận bàn bạc với ông Tr về việc chạy điểm cho con ông Tr và chỉ có một mình Th thỏa thuận với ông Tr về việc này. Và cũng tại biên bản đối chất này Th và D đều thừa nhận không có sự bàn bạc, thỏa thuận với nhau về việc chạy điểm cho con trai ông Tr hết bao nhiêu tiền.

Tại biên bản đối chất ngày 16/4/2021 (BL205), bị hại là ông Tr cũng xác nhận: “Việc ông Th trình bày là có thông báo với tôi về việc người nhà ông Th không lo được việc cho con trai tôi là không đúng, ông Th chỉ nói với tôi về việc đưa tiền cho ông D để lo việc cho con trai tôi sau khi kết thúc sự việc ông Th không lo được việc cho con trai tôi”. Điều này có thể khẳng định, ban đầu khi

ông Tr và bị cáo Th thỏa Thận chạy điểm cho con trai ông Tr thì hoàn toàn không có sự tham gia của bị cáo D. Vì vậy bị cáo Đỗ Cao Th phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) nhận của ông Nguyễn Duy Tr.

Tại biên bản đối chất ngày 20/5/2021 (BL95) D thừa nhận và Th xác nhận nội dung D khai như sau: Sau kì thi đại học kết thúc, ông Th hỏi tôi xem có quen ai có chạy được điểm không?, tôi bảo chờ để hỏi xem sao. Sau đó tôi đến nhà ông Văn để hỏi ông Văn có giúp được không thì ông Văn từ chối. Tuy nhiên, tôi không nói lại với ông Th việc đó. D điều kiện gia đình không có tiền nên tôi nói dối ông Th rằng vẫn đang lo việc cho ông (cháu ông Th) để nhiều lần sang nhà ông Th lấy tiền, mỗi lần lấy một vài triệu”. D đó, bị cáo D phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền 78.000.000đ (bảy mươi tám triệu đồng) đã nhận của bị cáo Đỗ Cao Th.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Đỗ Cao Th và bị cáo Vương Văn D là những người không có vai trò, chức năng trong công tác tuyển dụng vào các trường đào tạo trong Ngành Công an nhân dân cũng như chức năng tuyển dụng vào Ngành Công an nhân dân nhưng Th đã đưa ra thông tin sai sự thật để ông Nguyễn Duy Tr tin tưởng đưa số tiền 200.000.000đ để Đỗ Cao Th chạy điểm, chạy việc cho con ông Tr vào học tại trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I hoặc Công an chuyên nghiệp. Sau khi nhận tiền nhưng không lo được, Th đã trao đổi với Vương Văn D để lo việc cho cháu mình (con trai ông Tr). Dù biết không thể lo được việc cho cháu ông Th (con trai ông Tr) nhưng vì cần tiền tiêu xài nên D vẫn nhận lời và nhận 78.000.000đ của Đỗ Cao Th. Số tiền Vương Văn D chiếm đoạt là 78.000.000đ.

Hành vi của bị cáo Đỗ Cao Th đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015. Hành vi của bị cáo Vương Văn D đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015. Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Th là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục xong hậu quả nên cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLSH. Bị cáo D là thương binh hạng 4/4 nên bị cáo được hưởng tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây lo lắng, bất bình trong nhân dân, làm ảnh hưởng đến uy tín trong công tác tuyển sinh của ngành Công an nhân dân. Do vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc với các bị cáo.

Trong vụ án này thì hành vi của bị cáo Th có tính chất nguy hiểm hơn hành vi của bị cáo D nên cần phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên cũng cần xem xét bị cáo Th có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS nên HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS 2015, cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đối bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hành vi của bị cáo D ít nguy hiểm hơn bị cáo Th, bị cáo là người có công với cách mạng nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS 2015 cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục bị cáo mà không gây nguy hại cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, công ăn việc làm không ổn định nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về dân sự: Các bị cáo đã khắc phục xong hậu quả, ông Nguyễn Duy Tr không có yêu cầu đề nghị gì về mặt dân sự nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Cao Th và Vương Văn D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Cao Th 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Vương Văn D 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vương Văn D cho UBND xã L Th, huyện Thạch Thất giám

sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Đỗ Cao Th, Vương Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (có mặt) có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (vắng mặt) có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Công an huyện Thạch Thất
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THA dân sự huyện Thạch Thất;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND xã L Th, huyện Thạch Thất;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Thị Ninh